



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: **KẾ TOÁN CHI PHÍ (Cost accounting)**
- Mã học phần: ACC438
- Số tín chỉ: 3 (2/1/4)
- Bậc đào tạo: Đại học
- Loại học phần (bắt buộc/tự chọn): Bắt buộc
- Học phần tiên quyết/ Học phần trước:
- Đơn vị phụ trách: Khoa Kế toán – Tài chính
- Số giờ tín chỉ: 60, trong đó:
 - Lý thuyết: 30 (1 tín chỉ LT = 15 tiết)
 - Thực hành: 30 (1 tín chỉ LT = 30 tiết)
 -

2. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

- Họ và tên: TS.Vũ Thanh Long
- Chức danh, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Kế toán – Tài chính - Trường Đại học Văn Hiến
- Điện thoại: 0918422260
- Email: longvt@vhu.edu.vn

Giảng viên 2:

- Họ và tên: ThS. Phan Thị Tuyết Trinh
- Chức danh, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Kế toán – Tài chính - Trường Đại học Văn Hiến
- Điện thoại: 0966929234
- Email: trinhptt@vhu.edu.vn

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần gồm 5 chương, học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về công tác kế toán liên quan: Giải thích được mục đích, bản chất của kế toán chi phí, phân biệt phạm vi của kế toán chi phí với kế toán quản trị; Trình bày các đặc điểm vận động cơ bản của doanh nghiệp sản xuất cũng như quy trình vận động chi phí trong các DNSX; Phân biệt giữa chi phí SX và giá thành sản phẩm; Giải thích cách thức phân loại chi phí và giá thành sản phẩm phù hợp với từng mục đích quản lý, xác định được đối tượng tập hợp chi phí SX và tính giá thành sản phẩm theo chi phí thực tế; Quy trình kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo 3 mô hình: Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành theo chi phí thực tế, kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo chi phí thực tế kết hợp với chi phí ước tính và mô hình kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo chi phí định mức.

4. Mục tiêu của học phần

Học phần có những mục tiêu:

- Mục tiêu chung: Trang bị cho sinh viên hệ thống lí luận cơ bản về kế toán chi phí đã được áp dụng tại Việt Nam, là cơ sở nghiên cứu các học phần kế toán chuyên ngành.
- Mục tiêu cụ thể: Sinh viên có khả năng phân biệt giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm; phân loại các loại chi phí; quy trình kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo 3 mô hình.

5. Chuẩn đầu ra của học phần:

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra (Bắt đầu bằng động từ theo thang Bloom)
Kiến thức	
CLO1	Môn học kế toán chi phí cung cấp kiến thức và kỹ năng cần thiết trong việc tổ chức hệ thống kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp theo các mô hình khác nhau, phục vụ cho việc hoạch định, kiểm soát và ra quyết định của nhà quản lý.
CLO2	Được trang bị những quy trình về tài chính, luật pháp, kỹ thuật trong kế toán, kiểm toán có khả năng cải tiến những quy trình đó nhằm tạo ra bộ máy kế toán tối ưu nhất cho doanh nghiệp.
CLO3	Có kiến thức toán cơ bản vững vàng, làm nền tảng để học được các môn kế toán chuyên sâu và học lên các bậc học cao hơn cũng như ứng dụng vào cuộc sống.
CLO4	Được trang bị kiến thức và rèn luyện kỹ năng nghiệp vụ chuyên nghiệp trên tất cả các mặt hoạt động của lĩnh vực kế toán – kiểm toán như: thu thập và xử lý thông tin, phân tích, tổng hợp và đánh giá các báo cáo kế toán một cách toàn diện ở tầm vĩ mô và vi mô; Được rèn luyện kỹ năng xử lý các tình huống trong

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra (Bắt đầu bằng động từ theo thang Bloom)
	lĩnh vực kế toán – kiểm toán thông qua việc học tập mang tính mô phỏng được thực hiện trên mô hình kế toán mô phỏng và các phần mềm kế toán chuyên biệt.
Kỹ năng	
CLO5	Có được những kiến thức nền tảng về kế toán chi phí trong doanh nghiệp sản xuất, vận dụng được kế toán chi phí phù hợp với hệ thống tài khoản kế toán Việt Nam. Có khả năng tự học tập, tự đọc thêm các tài liệu có liên quan đến môn học kế toán chi phí nhằm phát triển nghề nghiệp cá nhân sau này.
CLO6	Sử dụng các công cụ định lượng và bảng tính Excel cho việc tính toán và phân tích thông tin kế toán chi phí bao gồm chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm, tiếp cận các kênh thông tin, tra cứu các tài liệu cần thiết, truyền đạt thông tin.
CLO7	Ứng dụng vào việc quản lý tài chính trong đời sống thường ngày. Lập kế hoạch và phát triển ý tưởng kinh doanh tạo thuận lợi trong việc nhìn nhận trước được những cơ hội và thách thức khi khởi nghiệp và thực hiện hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp. Được trang bị những kiến thức, kỹ năng về việc phối hợp, mở rộng mối quan hệ giữa nhân viên trong doanh nghiệp với các tổ chức, doanh nghiệp khác.
Mức độ tự chủ và trách nhiệm	
CLO8	Sinh viên được rèn luyện các kỹ năng về quy trình vận động chi phí trong DNSX, vận dụng mô hình kế toán chi phí SX và tính giá thành theo chi phí thực tế trong các tình huống thực tiễn.
CLO9	Phẩm chất cần có của một người kế toán: Trung thực, khách quan, chính xác, chăm chỉ, cẩn thận, chịu áp lực công việc và yêu thích những con số.
CLO10	Học phần này cho thấy vai trò của nhà quản lý và của kế toán viên trong quản lý chi phí ở một tổ chức, và kế toán chi phí làm thế nào để giúp nhà quản lý trong việc hoạch định và kiểm soát chi phí. Thông tin do kế toán chi phí cung cấp phục vụ cho việc ra quyết định của nhà quản trị là chủ yếu, ngoài ra nó còn cung cấp thông tin phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính.

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo và Chuẩn đầu ra học phần

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO1		X						
CLO2		X						

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8
CLO3		X						
CLO4		X						
CLO5					X	X		
CLO6					X	X		
CLO7					X			
CLO8						X	X	
CLO9								X
CL10								X

Ghi chú: *PLOs (Programme Learning Outcomes): Chuẩn đầu ra cấp CTĐT*

CLOs (Course Learning Outcomes): Chuẩn đầu ra học phần

6. Nội dung chi tiết của học phần

6.1. Lý thuyết

Chương	Nội dung	Đáp ứng CLOs
Chương 1	NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KẾ TOÁN CHI PHÍ	CLO1, CLO5, CLO8, CLO9, CLO10
1.1.	Chức năng của kế toán chi phí	
1.2.	So sánh kế toán chi phí, kế toán tài chính và kế toán quản trị	
1.3.	Quá trình vận động của chi phí trong doanh nghiệp sản xuất	
Chương 2	PHÂN LOẠI CHI PHÍ VÀ GIÁ THÀNH SẢN PHẨM	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8, CLO9, CLO10
2.1.	Phân loại chi phí	
2.2.	Phân loại giá thành sản phẩm	
Chương 3	KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM THEO CHI PHÍ THỰC TẾ	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8, CLO9, CLO10
3.1.	Mục tiêu của kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo chi phí thực tế	
3.2.	Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất, đối tượng tính giá thành và kỳ tính giá thành	
3.3.	Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm công nghiệp	
3.4.	Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp	

Chương	Nội dung	Đáp ứng CLOs
3.5.	Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm nông nghiệp	
3.6.	Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm dịch vụ	
Chương 4	KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM THEO CHI PHÍ THỰC TẾ KẾT HỢP VỚI CHI PHÍ ƯỚC TÍNH	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8, CLO9, CLO10
4.1.	Mục tiêu của kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo chi phí thực tế kết hợp với chi phí ước tính	
4.2.	Đặc điểm của kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo chi phí thực tế kết hợp với chi phí ước tính	
4.3.	Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo chi phí thực tế kết hợp với chi phí ước tính	
Chương 5	KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM THEO CHI PHÍ ĐỊNH MỨC	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6, CLO7, CLO8, CLO9, CLO10
5.1.	Khái quát về chi phí sản xuất định mức và giá thành định mức	
5.2.	Mục tiêu của kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo chi phí định mức	
5.3.	Xây dựng chi phí sản xuất định mức và giá thành định mức	
5.4.	Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo chi phí định mức	

6.2. Thực hành

	Nội dung	Đáp ứng CLOs
5.2.1.	Bài tập cá nhân	
	Người học làm bài tập vào cuối mỗi chương	CLO4, CLO6
5.2.2.	Bài tập nhóm	
	- Người học làm bài tập nhóm/thuyết trình được giao. - Các nhóm báo cáo kết quả làm việc trước lớp.	CLO7

7. Phân bổ thời gian theo tiết và điều kiện thực hiện:

Chương	Tên chương	Số tiết tín chỉ					Ghi chú
		Lý thuyết	Bài tập	Thực hành	Tự học	Tổng	
1	NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KẾ TOÁN CHI PHÍ	2		2	4	8	
2	PHÂN LOẠI CHI PHÍ VÀ GIÁ THÀNH SẢN PHẨM	4		4	8	16	
3	KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM THEO CHI PHÍ THỰC TẾ	8		8	16	32	
4	KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM THEO CHI PHÍ THỰC TẾ KẾT HỢP VỚI CHI PHÍ ƯỚC TÍNH	8		8	16	32	
5	KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM THEO CHI PHÍ ĐỊNH MỨC	8		8	16	32	
Tổng		30		30	60	120	

8. Phương pháp giảng dạy:

Giảng viên giảng dạy với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết giảng
- Hỏi lại hoặc vấn đáp
- Đọc và tóm lược nội dung tài liệu
- Giao bài tập về nhà
- Hướng dẫn tự học
- Thảo luận nhóm

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp giảng dạy

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10
Thuyết giảng	X	X	X	X	X	X				
Hỏi lại hoặc vấn đáp				X		X				

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10
Đọc và tóm lược nội dung tài liệu	X	X	X	X	X	X				
Giao bài tập về nhà			X	X						
Hướng dẫn tự học	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Thảo luận nhóm							X			

9. Phương pháp học tập

Sinh viên học tập với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết trình
- Làm việc nhóm
- Tự học, tự nghiên cứu

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp học tập

Phương pháp học tập	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10
Thuyết trình	X	X	X			X	X			
Làm việc nhóm						X	X			
Tự học, tự nghiên cứu	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

10. Nhiệm vụ của sinh viên

- a. Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
- b. Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp và giờ thuyết trình (sinh viên chỉ được vắng mặt tối đa 20% thời gian lên lớp của học phần).
- c. Đọc tài liệu tham khảo bắt buộc và bổ trợ do giảng viên giới thiệu.
- d. Hoàn thành đầy đủ các bài tập cá nhân, bài tập nhóm.
- e. Tham gia kỳ thi kết thúc học phần.

11. Thang điểm đánh giá: Điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 1 chữ số thập phân.

12. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở hai điểm thành phần như sau:

1. *Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40% bao gồm:*
 - a. Điểm chuyên cần: 1.0 điểm, trọng số 10%
 - b. Điểm kiểm tra thường xuyên: 2.0 điểm, trọng số 20%
 - c. Điểm hoạt động nhóm: 1.0 điểm, trọng số 10%

2. Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 60%

Hình thức thi: Tổng hợp

Ma trận quan hệ giữa Chuẩn đầu ra và phương pháp kiểm tra, đánh giá

Hình thức đánh giá	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10
Thuyết trình	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Trắc nghiệm	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Kiểm tra	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Dự lớp								X	X	X

13. Tài liệu phục vụ cho học phần (các tài liệu xuất bản từ năm 2019 trở lại đây và cung cấp được cho Trung tâm Học liệu nơi đặt tài liệu)

13.1. Tài liệu chính

[1] Huỳnh Lợi, *Kế toán chi phí*, NXB Tài chính, 2017.

[2] Huỳnh Lợi, *Bài tập và bài giải kế toán chi phí*, NXB Tài chính, 2017.

13.2. Tài liệu tham khảo

[3] Phạm Văn Dược, *Kế toán chi phí*, NXB Tài chính, 2018.

[4] Nguyễn Khắc Hùng, *Kế toán chi phí*, NXB Lao động, 2020.

TP.Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 04 năm 2024

Hiệu trưởng

Trưởng Bộ môn
(Ký và ghi rõ họ tên)

Giảng viên biên soạn
(Ký và ghi rõ họ tên)

PGS.TS. Nguyễn Minh Đức